

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: **5295/QĐ-UBND**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày **25** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ
1/2000 thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ đến năm 2020;

Căn cứ Văn bản số 7054/UBND-KT ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ;

Căn cứ Văn bản số 3744/UBND-KT ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 401/TTr-SXD ngày 09/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới điều chỉnh quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới quy hoạch: Bao gồm toàn bộ phạm vi ranh giới thị trấn Phù Mỹ và một phần địa giới hành chính của 03 xã: Mỹ Quang, Mỹ Trinh, Mỹ Hiệp, có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp: Xã Mỹ Trinh;
- Phía Nam giáp: Xã Mỹ Hiệp;
- Phía Đông giáp: Xã Mỹ Quang;
- Phía Tây giáp: Xã Mỹ Hòa.

b) Diện tích quy hoạch đến năm 2035: 1.621,68ha. Trong đó, diện tích thị trấn Phù Mỹ: 1.075ha, diện tích xã Mỹ Trinh: 177,98ha, diện tích xã Mỹ Hiệp: 95,68ha, diện tích xã Mỹ Quang: 273,02ha.

Quy mô diện tích điều chỉnh quy hoạch: 1.100ha.

c) Quy mô dân số:

- Dân số thị trấn đến năm 2035: 21.357 người.
- Mật độ dân số: 1.317 người/km².

3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch điều chỉnh:

- Tính chất, chức năng quy hoạch của thị trấn Phù Mỹ không thay đổi so với tính chất chức năng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 26/10/2011.

- Cụ thể nội dung quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035, cập nhật các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2019/BXD đảm bảo tiêu chí đô thị theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Làm cơ sở để quản lý theo quy hoạch và thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

STT	Các chỉ tiêu	Quy định cụ thể
1	Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị đối với đô thị loại V	70-100 m ² /người
2	Mật độ dân số	145-100 người/ha
3	Chỉ tiêu đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị đối với đô thị loại V	45-55 m ² /người
4	Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị đối với đô thị loại V	≥ 4 m ² /người
5	Tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) trong đất xây dựng đô thị	
a	Tính đến đường liên khu vực	≥ 9%
b	Tính đến đường khu vực	≥ 13%
6	Chỉ tiêu về cấp nước sinh hoạt	≥ 80 lít/người/ngày.đêm
7	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt đối với đô thị loại V	≥ 1.000 KWh/người/năm

5. Nội dung đồ án quy hoạch: thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 12/2016/TT- BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; cụ thể:

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường của khu vực thị trấn hiện hữu và các khu vực phát triển mới. Đánh giá các kết quả đạt được khi triển khai thực hiện theo đồ án quy hoạch được duyệt trước đây.

b) Xác định mục tiêu, động lực phát triển dựa trên tính chất, chức năng của thị trấn đã được phê duyệt tại Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 26/10/2011. Xác định quy mô dân số, lao động, quy mô xây dựng thị trấn, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đến năm 2035 dựa trên các quy định của đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 và các quy định của Quy chuẩn Việt

Nam QCVN 01:2019/BXD, quy định của Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030.

c) Rà soát sử dụng đất của khu thị trấn hiện hữu, xác định định hướng sử dụng đất của thị trấn đến năm 2035.

d) Định hướng phát triển không gian thị trấn, bao gồm:

- Hướng phát triển của thị trấn.
- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của thị trấn: Khu thị trấn hiện hữu, khu chính trang, cải tạo, khu bảo tồn (nếu có), khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển;
- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng phát triển đối với từng khu chức năng định hướng đến năm 2035;
- Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của thị trấn định hướng đến năm 2035;
- Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của thị trấn, trục không gian chính.

đ) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Đánh giá tổng hợp khu vực thị trấn hiện hữu và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cốt xây dựng cho toàn thị trấn và từng khu vực đảm bảo thống nhất, phù hợp giữa khu thị trấn hiện hữu và các khu vực phát triển mới;
- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật;
- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác định hướng đến năm 2035.

e) Đánh giá môi trường chiến lược.

g) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

h) Định hướng phát triển không gian đô thị và hạ tầng kỹ thuật theo các giai đoạn được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000.

6. Thành phần hồ sơ bản vẽ quy hoạch: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

7. Dự toán chi phí lập quy hoạch: 3.658.822.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm năm mươi tám triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn đồng)

Trong đó:

Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	29.111.000	đồng
Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	5.292.000	đồng
Chi phí thiết kế quy hoạch	2.190.515.000	đồng
Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	109.864.000	đồng
Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	101.898.000	đồng
Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	39.827.000	đồng
Chi phí công bố quy hoạch	65.715.000	đồng
Chi phí khảo sát địa hình (tạm tính) (*)	1.116.600.000	đồng

(*) UBND huyện Phù Mỹ tổ chức thẩm định hồ sơ khảo sát địa hình theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

8. Nguồn vốn: Vốn ngân sách huyện Phù Mỹ.

9. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành đồ án quy hoạch trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này làm căn cứ để tổ chức lập đồ án quy hoạch, thẩm định, trình phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. UBND huyện Phù Mỹ tổ chức lập đồ án quy hoạch, lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư có liên quan, trình Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

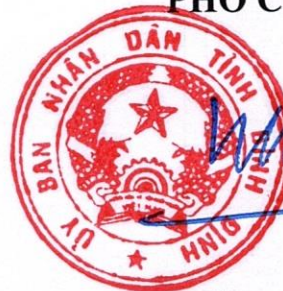
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *B*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

th

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng